

Name: .....

Date: ... / ... /20...

Class: S5

Tel: 034.200.9294



Reading: .....

Writing: .....

Mini Test: .....

## GLOBAL ENGLISH 5

### KET READING & WRITING

- ❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.
- ❖ **Lưu ý 2:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
- ❖ **Lưu ý 3:** Các con gạch chân các từ khóa chính trong bài đọc.

#### A. VOCABULARY

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	<b>athlete</b> (n)	vận động viên	4	<b>ski jumping</b> (n)	trượt tuyết nhảy xa
2	<b>cycling</b> (n)	đạp xe đạp	5	<b>personal</b> (adj)	thuộc về cá nhân
3	<b>ice hockey</b> (n)	môn bóng gậy trên băng			

- ❖ **Note :** n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ
- ❖ **Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

#### B. HOMEWORK

For each question, choose the correct answer.

### Camping

Camping is a great (19)..... to spend a holiday. You can enjoy nature and have a (20)..... at the same time. If you go camping far from the city, you must remember to bring everything you need with you.

First, you need a tent and a sleeping bag. Also a small backpack in which you can (21)..... water, some clothes and something to eat on day trips. Be very careful with things you eat. Don't eat something if you don't know what it is! Finally, it's useful to have a (22)..... of the area you are going to. It can help you if you get lost.

When you go camping, there are also some rules you must follow. For example, if you want to make a campfire make (23)..... that you make your fire well away from tents, grasses or trees. Also always remember to (24)..... your rubbish in the bins and not leave it behind.

- |              |          |           |
|--------------|----------|-----------|
| 19. A. plan  | B. path  | C. way    |
| 20. A. stuff | B. rest  | C. tour   |
| 21. A. carry | B. move  | C. travel |
| 22. A. menu  | B. kit   | C. map    |
| 23. A. safe  | B. sure  | C. right  |
| 24. A. let   | B. throw | C. fall   |

For each question, choose the correct answer.

### The Olympic Games

Every four years, 200 or more countries send their best athletes to **(19)**..... part in the Olympic Games. Millions of people from all around the world **(20)**..... the Olympic Games on television. The Olympic Games began more than 2,000 years **(21)**..... . The modern Olympics began in Athens, Greece, in 1896.

The number of sports played at the Olympics **(22)**..... from year to year. Some of the most popular Summer Olympic sports are swimming, cycling, volleyball and horse riding. The Winter Olympic sports include ice hockey, **(23)**..... and ski jumping.

Personal and team **(24)**..... is the most important part of the Olympics. There is no prize money.

- |                    |                 |            |
|--------------------|-----------------|------------|
| 19. A. try         | B. take         | C. turn    |
| 20. A. watch       | B. visit        | C. look    |
| 21. A. since       | B. ago          | C. past    |
| 22. A. becomes     | B. improves     | C. changes |
| 23. A. windsurfing | B. snowboarding | C. sailing |
| 24. A. business    | B. rest         | C. success |

### Reading Part 4 Exam Tips

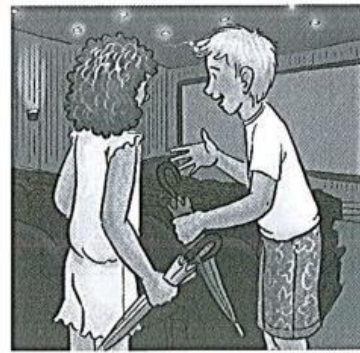
- Look through the text quickly to find out what it is about.
- You will need to choose the correct answer from similar words e.g. time, size, area or space. They will also all be the same Part of Speech (nouns, verbs, adjectives, prepositions, etc.)
- Look at each question, read the whole sentence and then choose the correct word.
- After you have chosen the correct answer, check the two other answers and make sure that they are wrong.
- When you have chosen all the answers, read the whole text again to make sure that it is correct.

## PART 7 Question 32

Look at the three pictures.

Write the story shown in the pictures.

Write 35 words or more.

[illegible]



**Exercise 1: Circle the correct answer**

0. Dinosaurs went \_\_\_\_\_ a long time ago.

- ☒ A. extinct      B. lonely      C. polite      D. riddle

1. Rainforests absorb a large amount of \_\_\_\_\_, a greenhouse gas that contributes to climate change.

- A. oxygen      B. carbon dioxide      C. carbon      D. gas

2. The \_\_\_\_\_ provides nutrients for the trees and plants that make up the understory.

- A. canopy      B. cinnamon      C. cicada      D. forest floor

3. Can you \_\_\_\_\_ and smile at the same time? I want to take a nicer photo of you.

- A. blink      B. cure      C. gaze      D. wiggle

4. Bats are \_\_\_\_\_ creatures. They go out at night.

- A. diurnal      B. nocturnal      C. endangered      D. mellow

5. I can hear some wolves \_\_\_\_\_. It is safer to be inside the car.

- A. chirping      B. buzzing      C. howling      D. roaring

**Exercise 2: Rewrite these sentences using Present Perfect with FOR and SINCE**

0. I / not / see / John / last May.

→ I have not seen John since last May.

1. We / not / eat / chocolate / a year.

→ \_\_\_\_\_.

2. The team / gather / rubbish / three days.

→ \_\_\_\_\_.

3. He / play / the guitar / he was a teenager.

→ \_\_\_\_\_.

4. They / not drink / beer / two months.

→ \_\_\_\_\_.

5. The carbon footprint / rate / be / high / in this area / last year.

→ \_\_\_\_\_.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để Starlink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

